TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST
Ngày: 24-9-2020
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Châu Nguyễn Xuân Thu
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuận
Bà Nguyễn Thị Thương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trương Thị Hoàn -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2020/TLST-DS ngày 18-6-2020 về "TrA chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-DS ngày 05-8-2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Ông Ngô Ngọc B–sinh năm:1991 (Vắng mặt)
Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
2.*Bị đơn*: Bà Ngô Thị Ngọc A– sinh năm:1969 (Vắng mặt)
Địa chỉ: 58/11 ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ngày 15-6-2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Ngô Ngọc Btrình bày:

Do quen biết nên vào ngày 30/6/2019 bà Ngô Thị Ngọc Acó vay của ông B số tiền 70.000.000đ. Khi vay hai bên có viết giấy cam kết, bà A thỏa thuận trong vòng 03 tháng sẽ hoàn trả, lãi suất thỏa thuận miệng là số tiền vay 70.000.000đ thì hàng tháng phải trả là 650.000đ. Tính đến thời điểm hiện nay thì phía bà A đã trả được 01 tháng tiền lãi là 650.000đ. Khi vay không thế chấp tài sản. Đến cuối tháng 7/2019, ông B có gọi điện cho A để lấy lãi nhưng không liên lạc được cho đến nay. Nay ông B yêu cầu bà A phải trả cho ông B số tiền là 69.350.000đ (ông B tự nguyện trừ số tiền lãi đã nhận là 650.000đ vào tiền gốc) và không yêu cầu trả lãi.

-Bị đơn bà Ngô Thị Ngọc Ađã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai, không tiến hành phiên hòa giải được.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, có giấy tay vay nợ rõ ràng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nhận định:

[1]*Về thẩm quyền*: Đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn trú tại huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nên căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[2]*Về tố tụng*: Nguyên đơn ông Ngô Ngọc B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Ngô Thị Ngọc A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]*Về yêu cầu của nguyên đơn:* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt; nguyên đơn cho rằng có cho bị đơn vay số tiền 70.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nhận số tiền 650.000 đ tiền lãi và nay yêu cầu trừ số tiền này vào số tiền đã cho bị đơn vay. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị Ngọc Aphải trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn là 69.350.000 đồng.

Xét thấy tại "Tờ cam kết mượn tiền" có chữ ký của bà Ngô Thị Ngọc A, thể hiện bà A có vay của ông B số tiền là 70.000.000đ. Về số tiền lãi nguyên đơn đã nhận là 650.000đ và tự nguyện yêu cầu trừ vào tiền cho vay nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Từ những nhận định trên nên chấp nhận yêu cầu của ông B đối với bà A, buộc bà A có trách nhiệm hoàn trả cho ông B số tiền 69.350.000đ theo quy đinh tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]*Về án phí*: Do có trách nhiệm trả tiền nên bà A phải chịu án phí dân sự có giá ngạch được quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II (DA mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 69.350.000đ x 5%= 3.467.500 đồng.

[5]*Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

-Khoản 2 Điều 26, tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II (DA mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Ngọc Bđối với bà Ngô Thị Ngọc A.

Buộc bà Ngô Thị Ngọc Acó trách nhiệm hoàn trả cho ông Ngô Ngọc Bsố tiền 69.350.000đ (Sáu mươi chín triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị Ngọc Aphải chịu 3.467.500 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho ông Ngô Ngọc B là 1.750.000đ theo biên lai số 0000801 ngày 16/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nguyễn Xuân Thu